

Bản án số: 10/2022/HS-ST

Ngày: 19 – 01 – 2022.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thái Thị Hồng Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hồng Quân - Phó Chánh thanh tra – Sở Thông tin và truyền thông tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. Bà Hoàng Nữ Hảo Tâm - Phó Hiệu trưởng Trường THPT Quốc Học Huế

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Huyền Diệu Hằng, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa: Ông Trần Xuân Phú – Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 82/2021/TLST-HS ngày 05 tháng 11 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 206/2021/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 11 năm 2021, đối với bị cáo:

Lê Đình Đại P; Sinh ngày 12/10/2004 tại tỉnh Thừa Thiên Huế; Nơi cư trú: Thôn A, xã N, huyện L, tỉnh Thừa Thiên Huế; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 08/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Đình T, sinh năm 1970 và bà Phạm Thị Hồng H, sinh năm 1983; Vợ, con: Chưa có; tiền sự: Không; tiền án: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; có mặt.

- Người đại diện hợp pháp của bị cáo: ông Lê Đình T, sinh năm 1970 và bà Phạm Thị Hồng H, sinh năm 1983; Nơi cư trú: Thôn A, xã N, huyện L, tỉnh Thừa Thiên Huế (là bố, mẹ của bị cáo); ông T có mặt, bà H vắng mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: Bà Nguyễn Thị B; Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thừa Thiên Huế; có mặt

- Bị hại:

1. Anh Trần Văn Huy Đ, sinh ngày 10/7/2003; trú tại: Thôn H, xã Đ, huyện L, tỉnh Thừa Thiên Huế; có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Anh Trần Hữu T, sinh năm 1994; trú tại: thị trấn A, tỉnh Thừa Thiên Huế; có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Ông Hồ Thanh N (Quỳnh V), sinh năm 1966; trú tại: Thôn A, xã N, huyện L, tỉnh Thừa Thiên Huế; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại Hồ Thanh N (Quỳnh V):* Bà Trương Thị Hồng N; Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thừa Thiên Huế; có mặt.

4. Ông Hồ Văn T, sinh năm 1979; trú tại: Thôn N, xã N, huyện L, tỉnh Thừa Thiên Huế; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại Hồ Văn T:* Ông Trần Phước H; Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thừa Thiên Huế; có mặt.

5. Chị Hồ Thị D, sinh năm 1994; trú tại: Tổ dân phố 1, thị trấn L, huyện L, tỉnh Thừa Thiên Huế; có đơn xin xét xử vắng mặt.

6. Chị Kim Thị U, sinh năm 1966; trú tại: R, xã T, huyện L, tỉnh Thừa Thiên Huế; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại Kim Thị U:* Bà Nguyễn Thị Ngọc A; Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thừa Thiên Huế; có mặt.

7. Ông Hồ Văn U, sinh năm 1980; trú tại: Thôn A, xã N, huyện L, tỉnh Thừa Thiên Huế; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại Hồ Văn U:* Ông Hồ Ngọc L; Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thừa Thiên Huế; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Anh Nguyễn Huỳnh N (N), sinh năm 1987; trú tại: thị trấn L, huyện L, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt.

2. Anh Nguyễn Quang L, sinh năm 1991; trú tại: Thôn Đ, xã T, thị xã T, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt.

- *Người làm chứng:* Ông Lê Văn S, sinh năm 1958; trú tại: A, xã N, huyện L, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Để có tiền tiêu xài cá nhân, trong khoảng thời gian từ ngày 07/6/2021 đến ngày 21/6/2021, Lê Đình Đại P đã thực hiện 06 vụ “Trộm cắp tài sản” tại thành phố H và huyện L, cụ thể như sau:

* Hành vi trộm cắp tài sản tại địa bàn thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế: Khoảng 01 giờ 30 phút ngày 21/6/2021, P điều khiển xe mô tô Sirius, nhãn hiệu Yamaha, biển kiểm soát 75K4-4041 (là xe do P trộm cắp của người khác) đến phòng trọ phường A, thành phố H nhằm trộm cắp tài sản. P giấu xe mô tô rồi đi lên

tầng 2, trèo qua ban công, nhìn thấy anh Trần Văn Huy Đ và anh Trần Hữu T đang ngủ say, P đưa tay qua khe cửa mở khóa (khóa còn cắm trên ổ) vào phòng lấy trộm: 01 Laptop, nhãn hiệu Dell, màu đen; 01 điện thoại di động Iphone XS Max, màu vàng của anh Đ; 01 điện thoại Iphone 6S Plus, màu vàng; 01 điện thoại 6S màu bạc; 01 điện thoại 5S Plus, màu vàng của anh T.

Sau khi lấy được số tài sản trên, P đem laptop bán cho anh Nguyễn Quang L, chủ cửa hàng mua bán máy tính tại thành phố H được 4.000.000 đồng; điện thoại P cất giữ trong cốp xe. Sau đó, P bị Cơ quan Công an triệu tập làm việc, P khai nhận hành vi phạm tội của mình và giao nộp 04 điện thoại cùng số tiền còn lại 3.650.000 đồng.

Vật chứng thu giữ: 01 Lap top, nhãn hiệu Dell, màu đen; 01 điện thoại di động Iphone XS Max, màu vàng; 01 điện thoại Iphone 6S, Plus, màu vàng; 01 điện thoại 6S, màu bạc; 01 điện thoại 5S Plus, màu vàng.

- Tại bản kết luận số 152/KL-HĐĐTGS ngày 22/6/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng thành phố H, kết luận:

+ 01 Lap top, nhãn hiệu Dell, màu đen tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá trị 5.000.000 đồng;

+ 01 điện thoại di động Iphone XS Max, màu vàng tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá trị 7.000.000 đồng;

+ 01 điện thoại Iphone 6S, Plus, màu vàng tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá trị 3.000.000 đồng;

+ 01 điện thoại Iphone 6S, màu bạc tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá trị 1.500.000 đồng;

+ 01 điện thoại 5S Plus, màu vàng tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá trị 500.000 đồng;

Về xử lý vật chứng:

- Ngày 25/6/2021, Cơ quan điều tra Công an thành phố H ra Quyết định xử lý vật chứng số 129/QĐ:

+ Trả lại cho anh Trần Văn Huy Đ gồm: 01 Lap top, nhãn hiệu Dell, màu đen; 01 điện thoại di động Iphone XS Max, màu vàng;

+ Trả lại cho anh Trần Hữu T gồm: 01 điện thoại Iphone 6S, Plus, màu vàng; 01 điện thoại 6S, màu bạc; 01 điện thoại 5S Plus, màu vàng.

- Ngày 30/7/2021, Cơ quan điều tra Công an thành phố H ra Quyết định xử lý vật chứng số 441: Trả lại số tiền 3.650.000 đồng cho chủ sở hữu là anh Nguyễn Quang L.

- Về dân sự: Anh Đ, anh T và anh L đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường thêm về dân sự.

* Hành vi trộm cắp tài sản tại huyện L, tỉnh Thừa Thiên Huế:

Vụ thứ nhất: Khoảng 12 giờ 45 phút ngày 07/6/2021, Lê Đình Đại P đi đến xã T, huyện L thì nảy sinh ý định bắt trộm dê đi bán. P gặp một người thanh niên tự giới thiệu tên là K (theo lời khai của P), P hỏi có chỗ nào mua dê thì K chỉ quán Trang V ở thị trấn L. P rủ K đi bắt dê bán, K hỏi P “dê ở đâu?” thì P trả lời là “ở nhà của mình” nên K đồng ý. P và K vào sau khu vực nhà máy cà phê thuộc thôn A, xã N, huyện L bắt một con dê đực màu trắng đen của ông Hồ Thanh N rồi đưa vào nhà P cân lên được 20kg. P và K đưa đến quán V bán cho chủ quán là anh Nguyễn Huỳnh N được 2.000.000 đồng, P đưa cho K 1.000.000 đồng, giữ lại 1.000.000 đồng để tiêu xài.

Vụ thứ hai: Khoảng 13 giờ 00 phút ngày 07/6/2021, P một mình đi đến thôn N, xã N, huyện L bắt trộm một con dê đực, lông màu nâu, hai bên tai có chấm trắng của ông Hồ Văn T. P chở dê về nhà cân được 18kg. Sau đó P chở dê đến quán V bán cho anh N được 1.500.000 đồng, P sử dụng số tiền trên để tiêu xài cá nhân.

Vụ thứ ba: Khoảng 00 giờ 30 phút ngày 16/6/2021, P đến tổ dân phố 1, thị trấn L, huyện L đột nhập vào nhà bà Hồ Thị D, P lục tìm lấy chìa khóa xe trên tủ đựng thức ăn rồi mở khóa lấy trộm 01 xe mô tô, nhãn hiệu Yamaha Sirius, biển số 75K4-4041, màu sơn đỏ đen bạc dắt đi. P sử dụng xe làm phương tiện đi lại cho mình.

Vụ thứ tư: Khoảng 12 giờ 00 phút ngày 19/6/2021, P một mình đến rẫy P, thôn L, xã T, huyện L bắt trộm một con dê cái, lông màu trắng, ở cổ có vòng sắt, được buộc dây nhựa màu xanh của chị Kim Thị U. Do con dê kêu to, P sợ người khác phát hiện nên đánh chết con dê rồi chở đến quán V bán cho anh N được số tiền 500.000 đồng, số tiền này P dùng để tiêu xài cá nhân.

Vụ thứ năm: Khoảng 13 giờ 00 phút ngày 19/6/2021, P vào nhà máy cà phê thuộc thôn B, xã N, huyện L bắt trộm một con bò cái, lông màu vàng của ông Hồ Văn U, P đưa bò vào nhà máy cà phê, P gọi người mua bò là ông Lê Văn S vào nhà máy cà phê để mua bò. Đến 13 giờ 30 phút, ông S vào gặp P, P nói bán con bò trên với giá 10.000.000 đồng. Ông S yêu cầu phải có người nhà mới mua. Do lúc này có thêm người lạ đi đến, P sợ bị phát hiện nên bỏ đi.

- Vật chứng đã thu giữ trong các vụ án do P thực hiện tại huyện L, gồm: 01 con bò cái, lông màu vàng; 01 xe mô tô Sirius, nhãn hiệu Yamaha, màu sơn đỏ đen bạc, biển kiểm soát 75K4-4014.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 48/KL-HĐĐGTS ngày 28/7/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng huyện L, kết luận:

+ 01 con dê đực, lông màu trắng đen tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá trị 3.000.000 đồng;

+ 01 con dê đực, lông màu nâu tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá trị 2.700.000 đồng;

+ 01 con dê cái, lông màu trắng tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá trị 2.925.000 đồng;

+ 01 con bò cái, lông màu vàng tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá trị 16.500.000 đồng.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 51/KL-HĐĐGTS ngày 28/7/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng huyện L, kết luận: 01 xe mô tô Sirius, nhãn hiệu Yamaha, màu sơn đỏ đen bạc, biển kiểm soát 75K4-4014, đã qua sử dụng tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá trị 4.500.000 đồng.

Về xử lý vật chứng, ngày 09/8/2021, Cơ quan điều tra Công an huyện L ra Quyết định xử lý vật chứng số 08/QĐ-CSĐT:

+ Trả lại cho chủ sở hữu là anh Hồ Văn U 01 con bò cái, lông màu vàng;

+ Trả lại cho chủ sở hữu là chị Hồ Thị D 01 xe mô tô Sirius, nhãn hiệu Yamaha, màu sơn đỏ đen bạc, biển kiểm soát 75K4-4014.

Về trách nhiệm dân sự:

+ Bị hại là anh Hồ Văn U và chị Hồ Thị D đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường thêm về dân sự.

+ Bị hại Hồ Thanh N yêu cầu bồi thường số tiền 3.000.000 đồng;

+ Bị hại Hồ Văn T yêu cầu được bồi thường số tiền 2.700.000 đồng;

+ Bị hại Kim Thị U yêu cầu bồi thường số tiền 2.925.000 đồng.

- Đối với anh Nguyễn Quang L, anh Nguyễn Huỳnh N là những người kinh doanh khi mua tài sản không biết là do Lê Đình Đại P phạm tội mà có, nên không có cơ sở để xử lý.

- Theo lời khai của P, người thanh niên tự giới thiệu tên K đã cùng với P bắt con dê của ông Hồ Thanh N. Cơ quan điều tra tiến hành xác minh, kiểm tra tại xã T, huyện A L, kết quả không có ai tên K cho nên không có cơ sở xử lý.

Tại bản cáo trạng số 50/CT-VKS-P2, ngày 05 tháng 11 năm 2021, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế đã truy tố bị cáo Lê Đình Đại P về tội “Trộm cắp tài sản” theo Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

- Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lê Đình Đại P phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Về hình phạt chính: Đề nghị áp dụng Khoản 1 Điều 173; các điểm b, r khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 91 và Điều 101 của Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Lê Đình Đại P **từ 15 tháng đến 18 tháng tù**. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 48 của Bộ luật hình sự; các Điều 584, 585, khoản 2 Điều 586, 587 và 589 của Bộ luật Dân sự để buộc bị cáo và những người đại diện hợp pháp của bị cáo là ông Lê Đình T và bà Phạm Thị Hồng H có trách nhiệm bồi thường cho ông Hồ Thanh N số tiền 3.000.000 đồng; ông Hồ Văn T số tiền 2.700.000 đồng; chị Kim Thị U số tiền 2.925.000 đồng.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, bố, mẹ của bị cáo phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo Lê Đình Đại P – Bà Nguyễn Thị B trình bày: Đồng ý với tội danh và điều luật mà Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế truy tố đối với bị cáo Lê Đình Đại P. Đề nghị Hội đồng xét xử Áp dụng Khoản 1 Điều 173; các điểm b, r khoản 1 Điều 51; các điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 101 của Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Lê Đình Đại P từ 06 đến 09 tháng tù.

Trợ giúp viên pháp lý bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại đề nghị Hội đồng xét xử buộc bố, mẹ của bị cáo bồi thường thiệt hại thay cho bị cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Thừa Thiên Huế; Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận: Từ ngày 07 tháng 6 năm 2021 đến ngày 21 tháng 6 năm 2021, tại huyện A Lưới và thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, Lê Đình Đại P đã thực hiện 06 vụ trộm cắp tài sản, cụ thể:

Lúc 12 giờ 45 phút ngày 07/6/2021, trộm cắp tài sản của ông Hồ Thanh N ở tại thôn B, xã Quảng N, huyện L, có trị giá là 3.000.000 đồng; Lúc 13 giờ ngày 07/6/2021, trộm cắp tài sản của ông Hồ Văn T ở thôn N, xã N, huyện L, có trị giá là 2.700.000 đồng; Lúc 00 giờ 30 phút ngày 16/6/2021, trộm cắp tài sản của bà Hồ Thị D ở tổ dân phố 1, thị trấn L, huyện L, có trị giá 4.500.000 đồng; Lúc 12 giờ 00 phút ngày 19/6/2021, trộm cắp tài sản của chị Kim Thị U ở tại thôn L, xã T, huyện L, có trị giá 2.925.000 đồng; Lúc 13 giờ 00 phút ngày 19/6/2021, trộm cắp tài sản của ông Hồ Văn U ở tại thôn B, xã N, huyện L, tỉnh Thừa Thiên Huế có trị giá là 16.500.000 đồng; Lúc 01 giờ 30 phút ngày 21/6/2021, trộm cắp tài sản của anh Trần Văn Huy Đ và anh Trần Hữu T ở tại phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế có trị giá là 17.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản mà Lê Đình Đại P đã chiếm đoạt của các bị hại là 46.625.000 đồng.

Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra; lời khai của các bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, tổng giá trị tài sản mà bị cáo P chiếm đoạt là 46.625.000 đồng đã đủ

yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”. Bị cáo P 06 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, mỗi lần phạm tội đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm. Tuy nhiên, bị cáo P chưa đủ 18 tuổi, cuộc sống phụ thuộc vào cha mẹ, các lần phạm tội bị cáo không lấy làm nguồn thu nhập để sinh sống chính nên bị cáo không phạm vào tình tiết tăng nặng có tính chuyên nghiệp theo điểm b khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế truy tố bị cáo Lê Đình Đại P về tội “Trộm cắp tài sản” theo Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự và luận tội của Kiểm sát viên tại phiên toà là có căn cứ, đúng người, đúng tội và phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, tạo dư luận xấu, gây bức xúc trong xã hội và hoang mang lo lắng trong quần chúng nhân dân. Bị cáo thực hiện các vụ trộm cắp tài sản hầu hết vào ban ngày. Điều này thể hiện thái độ coi thường pháp luật của bị cáo. Bị cáo đã phạm vào tình tiết tăng nặng là phạm tội từ hai lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cần xem xét bị cáo có nhân thân tốt, khi phạm tội bị cáo mới 17 tuổi, là độ tuổi chưa phát triển hoàn thiện, nhận thức pháp luật còn hạn chế; thành khẩn khai báo, ăn năn, hối cải; tự thú đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, r khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử áp dụng Điều 38, Điều 91; khoản 1 Điều 101 Bộ luật Hình sự cho bị cáo để áp dụng hình phạt đối với người dưới 18 tuổi, nhằm thể hiện sự khoan hồng của pháp luật, chính sách nhân đạo của Nhà nước về đường lối xử lý đối với người chưa thành niên phạm tội.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử nhận thấy phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, đặc điểm nhân thân của bị cáo để bảo đảm giáo dục, răn đe, phòng ngừa chung.

[4] Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại vật chứng cho các chủ sở hữu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Do bị cáo Lê Đình Đại P chưa đủ 18 tuổi, không có nghề nghiệp, sống phụ thuộc vào cha mẹ, không có tài sản riêng cần áp dụng Điều 48 của Bộ luật hình sự; các Điều 584, 585, khoản 2 Điều 586, 587 và 589 của Bộ luật Dân sự buộc cha, mẹ của bị cáo P là ông Lê Đình T và bà Phạm Thị Hồng H có trách nhiệm bồi thường cho ông Hồ Thanh Nhôm số tiền 3.000.000 đồng; ông Hồ Văn T số tiền 2.700.000 đồng; chị Kim Thị U số tiền 2.925.000 đồng.

[6] Về án phí:

- Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

- Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Lê Đình T và bà Phạm Thị Hồng H phải chịu trên số tiền phải bồi thường là: (3.000.000 đồng + 2.700.000 đồng + 2.925.000 đồng) $\times$ 5% = 431.250 đồng (làm tròn là 431.000 đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ Khoản 1 Điều 173; các điểm b, r khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 91; khoản 1 Điều 101 của Bộ luật Hình sự;

Tuyên bố bị cáo Lê Đình Đại P phạm tội “Trộm cắp tài sản”;

Xử phạt: Bị cáo Lê Đình Đại P **01 năm 03 tháng tù**, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 của Bộ luật hình sự; các Điều 584, 585, khoản 2 Điều 586, 587 và 589 của Bộ luật Dân sự: Buộc bố, mẹ của bị cáo Lê Đình Đại P là ông Lê Đình T và bà Phạm Thị Hồng H có trách nhiệm bồi thường cho ông Hồ Thanh N số tiền 3.000.000 đồng; ông Hồ Văn T số tiền 2.700.000 đồng; chị Kim Thị U số tiền 2.925.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không trả số tiền nêu trên, thì hàng tháng còn phải chịu thêm một khoản lãi, theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án buộc bị cáo Lê Đình Đại P phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm; ông Lê Đình T và bà Phạm Thị Hồng H phải chịu 341.000 đồng (ba trăm bốn mươi một nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bào chữa, người đại diện hợp pháp của bị cáo có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh TT-Huế;
- Công an tỉnh TT-Huế;
- Cục THADS tỉnh TT-Huế;
- Sở Tư pháp;
- Bị cáo;
- ĐDHP của bị cáo;
- Người bào chữa;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

